Người ký: Sở Công thương
Email: sct@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 28.07.2017 16:27:59 +07:00

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 819/SCT - KHTCTH

V/v báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 28 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Cục công nghiệp địa phương – Bộ Công Thương.

Căn cứ công văn số 395/CNĐP-CNHT ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2017.

Sở Công Thương báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới Tiêu chí số 4 về Điện nông thôn và Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn 6 tháng đầu năm 2017 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về ban hành cơ chế chính sách, chỉ đạo triển khai 6 tháng/2017

Sau khi Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Bộ Công Thương ban hành 2 quyết định hướng dẫn về tiêu chí số 4 và tiêu chí số 7 cho giai đoạn 2016-2020: Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương về phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Sở Công Thương đã ban hành Văn bản hướng dẫn số 1232/SCT-QLĐN ngày 16/11/2016 về triển khai thực hiện Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương về phương pháp đánh giá thực hiện tiêu chí số 4 về Điện nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 và Văn bản hướng dẫn số 1411/SCT-KHTCTH ngày 27/12/2016 về triển khai thực hiện Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thượng mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Cùng với đó, trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2017 Sở Công Thương cũng đã phối hợp tham gia cùng đoàn liên ngành (do Văn phòng điều phối nông thôn mới – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì) tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện nông thôn mới của 22 xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017, nhằm hướng dẫn các tiêu chí chưa đạt nói chung và tiêu chí chuyên ngành phụ trách nói riêng.

2. Kết quả thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn

2.1. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển điện nông thôn:

Sở Công Thương đang tham mưu UBND tỉnh lập quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035.

Kế hoạch phát triển:

- Triển khai thi công Dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Gia Lai bằng vốn vay KFW giai đoạn 2. Về quy mô đầu tư: Đường dây trung áp là 86,703 km, 79 trạm biến áp phân phối với tổng dung lượng: 13.960 kVA, đường dây hạ áp là 164,693 km, tổng mức đầu tư là 179 tỷ đồng.

- Triển khai Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015 -2020. Về quy mô đầu tư: Quy mô đầu tư: Đường dây trung áp dài 355,34km, Đường dây hạ áp dài 1.277,4km, 564 trạm biến áp phân phối với tổng dung lượng 51.750 KVA, Tổng mức đầu tư 971 tỷ đồng.

- Triển khai tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Quy mô đầu tư: Đường dây trung áp dài 403,469km, Đường dây hạ áp dài 1.414,237km, Trạm biến áp phân phối: 615 trạm biến áp với tổng dung lượng 82.910 KVA.

- Triển khai Tiểu dự án cải tạo & nâng cấp lưới điện phân phối các quận, huyện tỉnh Gia Lai (DEP2)với có quy mô như sau: Đường dây trung áp 212,204km; Đường dây hạ áp 111,642km; Trạm biến áp phân phối 57 trạm với dung lượng 9.570kVA. Tổng vốn đầu tư 246 tỷ đồng.

2.2. Công tác huy động vốn:

Hệ thống lưới điện nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai được đầu tư bằng nguồn vốn vay như: vay của WB, ADB, KFW…; nguồn ngân sách nhà nước, vốn đối ứng của EVN và một phần vốn nhân dân đóng góp.

2.3. Công tác quản lý, kinh doanh điện nông thôn:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 đơn vị quản lý bán điện là Công ty điện lực Gia Lai và Công ty cổ phần điện Gia Lai (bán điện trên địa bàn huyện Chư Prông). Ngoài ra, còn có một số tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư công trình điện cho mục đích sinh hoạt, sản xuất, bơm tưới nông nghiệp, về giá điện có nhiều bất cập trong công tác quản lý.

Hướng khắc phục trong thời gian tới, Sở Công Thương giao cho UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Công ty Điện lực Gia Lai kiểm tra, rà soát và hướng dẫn cho nhân dân, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư các giải pháp sử dụng điện an toàn.

2.4. Kết quả thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn:

Được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ, ban, ngành, địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong những năm qua lưới điện nông thôn trên địa bàn tỉnh được đầu tư phát triển mạnh mẽ. Cụ thể:

Đến nay, số xã, phường, thị trấn đã có lưới điện quốc gia của tỉnh Gia Lai là 222/222, đạt 100% với 321.829/325.719 hộ dân sử dụng điện, đạt 98,81%. Trong đó

có 184 xã thuộc chương trình nông thôn mới với 214.999/218.608 hộ dân nông thôn sử dụng điện, đạt 98,35%. Cụ thể, lưới điện phân phối trên địa bàn tỉnh như sau:

- Đường dây trung thế có tổng chiều dài: 4.422,074km, số km đảm bảo yêu cầu kỹ thuật (YCKT): 422,074km.

- Tổng số trạm biến áp là 3.985 trạm với tổng dung lượng 673.315 kVA, số trạm biến áp, đảm bảo YCKT: 3.985 trạm với tổng dung lượng 673.315 kVA.

- Đường dây hạ áp thế có tổng chiều dài là 4.258,01 km, số km đảm bảo yêu cầu kỹ thuật (YCKT): 4.258,01 km.

*** Tiêu chí số 4 điện nông thôn:**

- Chỉ tiêu 4.1 về hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện: Số xã đạt chỉ tiêu là 184/184 *(chi tiết như phụ lục gửi kèm theo).*

- Chỉ tiêu 4.2 về tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (≥ 98%): Số xã đạt chỉ tiêu là 168/184, đạt 91,3% *(chi tiết như phụ lục gửi kèm theo).*

3. Kết quả thực hiện tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

3.1. Công tác lập Quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển chợ nông thôn

Theo quy hoạch hệ thống hạ tầng thương mại đến năm 2020: Tổng số chợ nông thôn có trong quy hoạch là 143 chợ trên 184 xã trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, theo quy định của Quyết định 4800/QĐ-BCT có quy định hệ thống Siêu thị mini và cửa hàng tiện dụng đạt tiêu chí số 7 cần được thực hiện theo quy hoạch của UBND tỉnh. Tuy nhiên hiện tại các điểm mua bán, trao đổi hàng hóa trên địa bàn các xã đều là của hộ kinh doanh cá thể tự phát do cấp cơ quan cấp huyện quản lý. Vì vậy, việc lập quy hoạch cũng như quản lý các cơ sở này rất khó.

3.2. Công tác huy động vốn:

Nguồn vốn đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai phần lớn bằng nguồn vốn xã hội hóa, nên việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn.

3.3. Hình thức tổ chức quản lý cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

Các chợ nông thôn hiện nay được quản lý dưới các hình thức Tổ quản lý chợ, ban quản lý chợ do UBND các xã thành lập, chịu sự quản lý trực tiếp của UBND xã.

Công tác bồi dưỡng, tập huấn còn hạn chế nên trình độ và kỹ năng quản lý chợ của đội ngũ cán bộ chưa cao ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác và phát triển chợ, đảm bảo an toàn thực phẩm tại chợ...

3.4. Công tác đánh giá, thẩm định:

Công tác đánh giá, thẩm định, xét công nhận tiêu chí đạt chuẩn theo hướng dẫn của Bộ Công Thương tại Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 về hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng nông thôn trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới 2016-2020 gặp những khó khăn trong quá trình thực hiện:

- Quá trình đánh giá, thẩm định, xét công nhận đạt chợ nông thôn còn gặp khó khăn do các chợ được đầu tư xây dựng đã lâu năm nên tiêu chuẩn thiết kế xây dựng theo quy định không đảm bảo với tiêu chuẩn quy định hiện hành. Các chợ đều chưa

có các dịch vụ như kho bảo quản, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm...

- Việc thực hiện quy định mới về tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, trong đó có đánh giá hệ thống cửa hàng tiện lợi, điểm mua bán trao đổi hàng hóa còn gặp một số khó khăn. Lý do, hiện nay các địa điểm này tại các xã, đều là hộ kinh doanh tự phát của các hộ gia đình ở địa phương (đăng ký kinh doanh hộ cá thể tại địa phương), nên việc quản lý quy hoạch cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini tại địa phương là chưa có.

3.5. Kết quả thực hiện tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Kết quả thực hiện tính đến hết 6/2017: trên địa bàn tỉnh hiện có 184 xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó có 143 xã quy hoạch chợ nông thôn và 50 xã đã có chợ chiếm 34,97% (trong đó có 36 chợ xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn).

4. Nhận xét đánh giá chung và bài học kinh nghiệm

4.1. Về kết quả đạt được

Nhìn chung, hai tiêu chí về điện nông thôn và cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên toàn tỉnh rất được chính quyền Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các huyện, thị xã, thành phố quan tâm và người dân hưởng ứng nhiệt tình. Bà con đã đóng góp sức lao động, hiến đất tạo hành lang lưới điện, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án điện nông thôn xây dựng hệ thống lưới điện đạt tiêu chuẩn và đảm bảo an toàn lưới điện.

Ngoài ra, còn các dự án đào tạo nâng cao nhận thức năng lực cho các hộ kinh doanh, cán bộ quản lý chợ, hỗ trợ xây dựng, cải tạo chợ nông thôn đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa của người dân, tạo ra công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho hàng chục ngàn lao động, tạo ra nguồn ngân sách địa phương cho các xã và người dân hiểu hơn về lợi ích của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với đời sống người dân nông thôn. Trong thời gian qua, cùng với việc xây mới chợ xã thì các xã cũng tiến hành nâng cấp, cải tạo có hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống PCCC để đáp ứng hơn nữa nhu cầu của người dân. Hàng hóa lưu thông qua hệ thống chợ phong phú, chủ yếu là lương thực, thực phẩm, rau quả, nông sản do người dân sản xuất, đảm bảo phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân trên địa bàn tỉnh.

Tính đến tháng 6/2017 xét về tiêu chí số 4 về Điện nông thôn: có 184 xã triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới với tổng số 218.608 hộ, đến nay đã có 214.999/218.608 hộ dân nông thôn sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 98,35%. Có 168/184 xã đạt Tiêu chí 4 về Điện nông thôn đạt 91,3%; đối với tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: trên địa bàn tỉnh hiện có 184 xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, có 50 xã có chợ theo quy hoạch, tỷ lệ xã có chợ chiếm 34,97% trên tổng số 143 xã có chợ theo quy hoạch (trong đó có 36 chợ xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn) *(chi tiết như phụ lục gửi kèm theo)*.

4.2. Về hạn chế, tồn tại

- *Về tiêu chí số 4 về Điện nông thôn:* Tình trạng di cư tự do của một số đồng bào dân tộc thiểu số ngoài tỉnh vào tỉnh Gia Lai nên hình thành một số điểm dân cư mới nằm xa lưới điện quốc gia. Vì vậy việc đầu tư cấp điện cho các điểm dân cư này còn gặp nhiều khó khăn.

- *Về tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:* Các chính sách phát triển hạ tầng thương mại nông thôn đặc biệt là phát triển chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh, mới chỉ thực hiện được ở khâu lập qui hoạch, việc tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng chợ nông thôn theo quy hoạch gặp rất nhiều khó khăn do:

+ Việc thu hút nhà đầu tư vào xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại lại gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đầu tư vào lĩnh vực xây dựng chợ.

+ Việc huy động nguồn vốn của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng chợ trên địa bàn các xã rất khó khăn vì các chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh là nhỏ, chủ yếu họp theo phiên, dân cư thưa thớt nên việc đầu tư xây dựng chợ nông thôn rất khó thu hồi vốn.

+ Hoạt động quản lý chợ chủ yếu do UBND các xã trực tiếp quản lý. Nhìn chung các chợ tương đối phù hợp với các quy định về tiêu chí chợ, nhưng còn một số tiêu chí mà các chợ chưa đáp ứng được như: tiêu chuẩn thiết kế xây dựng theo quy định không đảm bảo với tiêu chuẩn quy định hiện hành; hầu hết các chợ chưa có các dịch vụ như kho bảo quản, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm...; vệ sinh môi trường tại một số chợ còn nhiều bất cập, một số chợ tuy được nâng cấp, cải tạo nhưng khu vực xử lý rác thải, khu vệ sinh phục vụ cho hoạt động của chợ vẫn chưa được cải thiện.

+ Sở Công Thương là cơ quan quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, tuy nhiên việc đầu tư xây dựng chợ trên địa bàn là do UBND cấp huyện thực hiện. Sở Công Thương không có thẩm quyền thẩm định, kiểm tra thiết kế, vị trí bố trí xây dựng chợ và phương án hoạt động các loại hình chợ của các tổ chức cá nhân có dự án đầu tư xây dựng chợ. Vì vậy rất khó khăn trong công tác quản lý, Sở Công Thương không chủ động được trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. Một số dự án đầu tư xây chợ trên địa bàn tỉnh khi xây dựng xong không đi vào hoạt động được. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, trong đó có đánh giá hệ thống cửa hàng tiện lợi, điểm mua bán trao đổi hàng hóa còn gặp một số khó khăn: Hiện nay, các địa điểm này tại các xã đều là hộ kinh doanh tự phát của các hộ gia đình ở địa phương (đăng ký kinh doanh hộ cá thể tại địa phương), nên việc quản lý quy hoạch theo quy định tại Mục 5, chương IV của Quyết định 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương là rất khó khăn.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2017

1. Kế hoạch thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn

Tiếp tục sử dụng hiệu quả các nguồn vốn vay như: vay của WB, ADB, KFW…; nguồn ngân sách nhà nước, vốn đối ứng của EVN và một phần vốn nhân dân đóng góp. Phấn đấu trong năm 2017 đạt các chỉ tiêu về điện như sau:

- Chỉ tiêu 4.1 về hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện: Số xã đạt chỉ tiêu là 184/184 *(chi tiết như phụ lục gửi kèm theo).*

- Chỉ tiêu 4.2 về tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (≥ 98%): Số xã đạt chỉ tiêu là 171/184, đạt 92,93% *(chi tiết như phụ lục gửi kèm theo).*

2. Kế hoạch thực hiện tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Huy động từ các nguồn, đầu tư xây dựng mới: Chợ xã Ia Yok - huyện Ia Grai đạt chuẩn với số vốn đầu tư 3,6 tỷ đồng.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực của xã hội theo quy định của pháp luật để thực hiện xây mới các chợ xã: Xây mới Chợ H'ra - Huyện Mang Yang; Chợ xã Ia Tô, Chợ xã Ia Ga, Chợ xã Ia Vê - huyện Chư prông; Chợ Xã Chư Răng- huyện Ia Pa;

Hoàn thành việc xây mới chợ xã Ia Hrú - huyện Chư Pưh với tổng số vốn: 3 tỷ.

Kêu gọi đầu tư nâng cấp, cải tạo chợ Hà Tam, chợ Tân An, và chợ xã Cư An, huyện Đak Pơ bằng nguồn vốn xã hội hóa từ các doanh nghiệp.

Dự kiến đến hết năm 2017: trên địa bàn tỉnh có 51 xã có chợ theo quy hoạch, tỷ lệ xã có chợ chiếm 35,66% trên tổng số 143 xã có chợ theo quy hoạch (trong đó có 38 chợ xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn) *(chi tiết như phụ lục gửi kèm theo).*

3. Giải pháp chủ yếu thực hiện

Đẩy mạnh công tác kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chợ và điểm mua bán, trao đổi hàng hóa trên địa bàn, nhất là vào các dịp lễ, tết. Qua đó hướng dẫn các hộ tiểu thương thực hiện tốt công tác bảo đảm về an toàn thực phẩm.

Tăng cường đào tạo cán bộ thực hiện công tác quản lý chợ tham gia các lớp bồi dưỡng về quản lý chợ do các sở, ban, ngành tổ chức.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư xây dựng chợ và các siêu thị mini tại địa bàn.

Huy động các nguồn vốn trên cơ sở lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai ở nông thôn và có cơ chế khuyến khích mạnh mẽ đầu tư của các thành phần kinh tế; huy động đóng góp công sức của nhân dân để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Đối với các xã đã có chợ, tuy nhiên hệ thống hạ tầng kỹ thuật chưa đảm bảo theo yêu cầu, cần tập trung đầu tư cải tạo, mở rộng và xây dựng mới các chợ nông thôn theo quy hoạch và đảm bảo tiêu chuẩn chợ nông thôn được ban hành kèm theo Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng về Ban hành tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn để làm nơi trao đổi, mua bán hàng hóa phục vụ cho sản xuất và đời sống của nhân dân, đồng thời tiếp tục kiện toàn tổ chức chợ, đảm bảo có đủ BQL chợ và có nội quy chợ đảm bảo yêu cầu.

III. NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Trung ương có kế hoạch hỗ trợ nguồn kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây nông thôn mới nói chung và hai tiêu chí về điện nông thôn, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn nói riêng phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Hàng năm tăng cường đầu tư cho các chợ trọng điểm theo quy hoạch hệ thống chợ, đảm bảo đến năm 2020 trên địa bàn huyện các xã có chợ theo quy hoạch hệ thống chợ trên địa bàn được đầu tư xây mới, sửa chữa chợ đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm có văn bản hướng dẫn triển khai quy định tại Mục 5, Chương IV của Quyết định 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 về việc quản lý siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp như đối với quản lý siêu thị tại Quyết định 1371/2004/QĐ-BTM, để Sở Công Thương có phương án thực hiện hiệu quả.

Có những kế hoạch cụ thể nhằm quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý chợ về chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên hàng năm; cùng với những cơ chế, chính sách rõ ràng và đồng thuận sự hỗ trợ của nhà nước đối với DNKD khai thác chợ theo hình thức "xã hội hóa" chợ.

Đối với Ủy ban nhân dân các huyện có chợ theo quy hoạch hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì chợ hiện có quan tâm nâng cấp, chợ đạt chuẩn theo quy định, đồng thời đảm bảo quỹ đất đủ để đầu tư chợ đạt chuẩn theo quy định khi có nhu cầu, trong khi chưa xác định được nguồn vốn đầu tư xây dựng chợ, các xã cần tiếp tục duy trì và bảo vệ quỹ đất hiện có đã được phê duyệt quy hoạch chợ để đảm bảo công tác đầu tư thuận lợi sau này.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 4 về Điện nông thôn và tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Sở Công Thương Gia Lai kính gửi Cục Công nghiệp địa phương – Bộ Công Thương tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng: QLTM, QLNL;
- Lưu: VT; KHTCTH.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH GIA LAI

Đào Thị Thu Nguyệt

Biểu 01
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 4 VỀ ĐIỆN NÔNG THÔN 6 THÁNG/2017

(Kèm theo Văn bản số: 819 /SCT-KHTCTH ngày 28 tháng 7 năm 2017)

TT	Xã, phường trên địa bàn tỉnh	Kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm 2017			Kết quả thực hiện đến cuối năm 2017			Ghi chú
		Đạt nội dung 4.1	Đạt nội dung 4.2	Đạt tiêu chí số 4	Đạt nội dung 4.1	Đạt nội dung 4.2	Đạt tiêu chí số 4	
	Số xã đạt tiêu chí 4	**184/184**	**168/184**	**168/184**	**184/184**	**171/184**	**171/184**	
I	**Thành Phố Pleiku**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	
1	Xã An Phú	X	X	X	X	X	X	
2	Xã Chư á	X	X	X	X	X	X	
3	Xã Chư HĐrông	X	X	X	X	X	X	
4	Xã Biển Hồ	X	X	X	X	X	X	
5	Xã Trà đa	X	X	X	X	X	X	
6	Xã Tân sơn	X	X	X	X	X	X	
7	Xã Diên phú	X	X	X	X	X	X	
8	Xã Ia kênh	X	X	X	X	X	X	
9	Xã Gào	X	X	X	X	X	X	
II	**Thị xã Auynpa**	**4/4**	**4/4**	**4/4**	**4/4**	**4/4**	**4/4**	
1	Xã Chư Băh	X	X	X	X	X	X	
2	Ia Rbol	X	X	X	X	X	X	
3	Ia Sao	X	X	X	X	X	X	
4	Ia Rto	X	X	X	X	X	X	
III	**Huyện Ia Pa**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	
1	Ia Broai	X	X	X	X	X	X	
2	Po To	X	X	X	X	X	X	
3	Chư D Răng	X	X	X	X	X	X	
4	Kim Tân	X	X	X	X	X	X	
5	Ia Trok	X	X	X	X	X	X	
6	Ia Ma Rơn	X	X	X	X	X	X	
7	Ia Tul	X	X	X	X	X	X	
8	Ia KĐăm	X	X	X	X	X	X	
9	Chư Mố	X	X	X	X	X	X	
IV	**Huyện Phú Thiện**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	**9/9**	
1	Chư A Thai	X	X	X	X	X	X	
2	Xã Ia Peng	X	X	X	X	X	X	
3	Ia Hiao	X	X	X	X	X	X	
4	Ia Piar	X	X	X	X	X	X	
5	Xã Yeng	X	X	X	X	X	X	
6	Xã Ayun Hạ	X	X	X	X	X	X	
7	Xã Chrôh Pơnan	X	X	X	X	X	X	

8	Xã Ia Ke	X	X	X	X	X	X	
9	Ia Sol	X	X	X	X	X	X	
V	**Huyện Krông Pa**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	
1	Ia Sươm	X	X	X	X	X	X	
2	Chư Rcăm	X	X	X	X	X	X	
3	Ia Sai	X	X	X	X	X	X	
4	Xa Uar	X	X	X	X	X	X	
5	Chư D Răng	X	X	X	X	X	X	
6	Chư Gu	X	X	X	X	X	X	
7	Phú Cần	X	X	X	X	X	X	
8	Mlá	X	X	X	X	X	X	
9	Đất Bằng	X	X	X	X	X	X	
10	Ia Mok	X	X	X	X	X	X	
11	Chư Ngọc	X	X	X	X	X	X	
12	Ia HRéh	X	X	X	X	X	X	
13	Krông Năng	X	X	X	X	X	X	
VI	**Huyện Kbang**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	
1	Xã Kon Pla	X	X	X	X	X	X	
2	Kon Lương khương	X	X	X	X	X	X	
3	Đắc Hlơ	X	X	X	X	X	X	
4	Tơ Tung	X	X	X	X	X	X	
5	Nghĩa an	X	X	X	X	X	X	
6	Xã Đông	X	X	X	X	X	X	
7	Sơ Pai	X	X	X	X	X	X	
8	Lơ Ku	X	X	X	X	X	X	
9	Xã Kroong	X	X	X	X	X	X	
10	Sơn Lang	X	X	X	X	X	X	
11	Xã Đăk SMak	X	X	X	X	X	X	
12	Đắc Kong	X	X	X	X	X	X	
13	Kon Pne	X	X	X	X	X	X	
VII	**Huyện Chư Sê**	**14/14**	**14/14**	**14/14**	**14/14**	**14/14**	**14/14**	
1	Ia Hlốp	X	X	X	X	X	X	
2	Ia Glai	X	X	X	X	X	X	
3	Ia Blang	X	X	X	X	X	X	
4	xã Dun	X	X	X	X	X	X	
5	Ia Ko	X	X	X	X	X	X	
6	Ayun	X	X	X	X	X	X	
7	Ia Lba	X	X	X	X	X	X	
8	Bngoong	X	X	X	X	X	X	
9	Ia Tiêm	X	X	X	X	X	X	
10	Bar Maih	X	X	X	X	X	X	
11	Xã Kông Tok	X	X	X	X	X	X	
12	Xã Ia Pal	X	X	X	X	X	X	
13	Chư Pơng	X	X	X	X	X	X	
14	Hbông	X	X	X	X	X	X	
VIII	**Huyện Chư Pưh**	**8/8**	**8/8**	**8/8**	**8/8**	**8/8**	**8/8**	

1	Xã Ia Le	X	X	X	X	X	X	
2	Xã Blứ	X	X	X	X	X	X	
3	Xã Ia Phang	X	X	X	X	X	X	
4	Xã Ia HLa	X	X	X	X	X	X	
5	Xã Ia Dreng	X	X	X	X	X	X	
6	Xã Ia Hrú	X	X	X	X	X	X	
7	Xã Chư Don	X	X	X	X	X	X	
8	Xã Ia Rong	X	X	X	X	X	X	
IX	**Huyện Đức Cơ**	**9/9**	**2/9**	**2/9**	**9/9**	**3/9**	**3/9**	
1	xã Ia Din	X			X			
2	xã Ia Dom	X	X	X	X	X	X	
3	Ia Pnon	X			X			
4	Ia Dơk	X			X			
5	Ia Nan	X			X			
6	Ia Lang	X			X			
7	Ia Kla	X			X	X	X	
8	Ia Krel	X	X	X	X	X	X	
9	Ia kriêng	X			X			
X	**Huyện Chư Păh**	**13/13**	**4/13**	**4/13**	**13/13**	**6/13**	**6/13**	
1	Xã Hoà phú	X	X	X	X	X	X	
2	Xã Ia Phí	X			X			
3	Xã Ia khươl	X			X	X	X	
4	Xã Đak Tơ Ver	X			X			
5	Xã Hà Tây	X			X			
6	Xã Ia Ka	X			X			
7	Xã Ia Nhin	X	X	X	X	X	X	
8	Xã Nghĩa Hoà	X	X	X	X	X	X	
9	Xã Ia M'Nông	X			X			
10	Xã Nghĩa Hưng	X	X	X	X	X	X	
11	Xã Chư Jô	X			X	X	X	
12	Xã Ia Kreng	X			X			
13	Xã Chư Đăng Ya	X			X			
XI	**Huyện Chư Prông**	**19/19**	**19/19**	**19/19**	**19/19**	**19/19**	**19/19**	
1	Xã Ia O	X	X	X	X	X	X	
2	Xã Thăng Hưng	X	X	X	X	X	X	
3	Xã Bình Giáo	X	X	X	X	X	X	
4	Xã Ia Băng	X	X	X	X	X	X	
5	Xã Ia Me	X	X	X	X	X	X	
6	Xã Ia Pia	X	X	X	X	X	X	
7	Xã Ia Ve	X	X	X	X	X	X	
8	Xã Ia Lâu	X	X	X	X	X	X	
9	Xã Ia Boong	X	X	X	X	X	X	
10	Xã Ia Mơ	X	X	X	X	X	X	
11	Xã Ia Phìn	X	X	X	X	X	X	
12	Xã Ia Tô	X	X	X	X	X	X	
13	Xã Ia Ga	X	X	X	X	X	X	

14	Xã IaPiơr	X	X	X	X	X	X	
15	Xã Ia Drăng	X	X	X	X	X	X	
16	Xã Ia Puch	X	X	X	X	X	X	
17	Xã Ia Kly	X	X	X	X	X	X	
18	Xã Ia Bang	X	X	X	X	X	X	
19	Xã Bầu Cạn	X	X	X	X	X	X	
XII	**Huyện Đăk Đoa**	**16/16**	**16/16**	**16/16**	**16/16**	**16/16**	**16/16**	
1	Hà Đông	X	X	X	X	X	X	
2	Nam Yang	X	X	X	X	X	X	
3	Hà Bầu	X	X	X	X	X	X	
4	Kon Giang	X	X	X	X	X	X	
5	Hải Giang	X	X	X	X	X	X	
6	H Neng	X	X	X	X	X	X	
7	Tân Bình	X	X	X	X	X	X	
8	K Dang	X	X	X	X	X	X	
9	G Lar	X	X	X	X	X	X	
10	Ia Pết	X	X	X	X	X	X	
11	Xã Trang	X	X	X	X	X	X	
12	A Dok	X	X	X	X	X	X	
13	Ia Băng	X	X	X	X	X	X	
14	Xã HNol	X	X	X	X	X	X	
15	Đăk Krông	X	X	X	X	X	X	
16	Đắc Smei	X	X	X	X	X	X	
XIII	**Huyện Mang Yang**	**11/11**	**11/11**	**11/11**	**11/11**	**11/11**	**11/11**	
1	A Jun	X	X	X	X	X	X	
2	Hà Ra	X	X	X	X	X	X	
3	Đắc Djăng	X	X	X	X	X	X	
4	Lơ Pang	X	X	X	X	X	X	
5	Kon Thụp	X	X	X	X	X	X	
6	Kon Chiêng	X	X	X	X	X	X	
7	Đăk Trôi	X	X	X	X	X	X	
8	Xã Đăk Jơ Ta	X	X	X	X	X	X	
9	Xã Đak Ta Ley	X	X	X	X	X	X	
10	Đắk Yă	X	X	X	X	X	X	
11	Đề Ar	X	X	X	X	X	X	
XIV	**Huyện Ia Grai**	**12/12**	**12/12**	**12/12**	**12/12**	**12/12**	**12/12**	
1	Ia Sao	X	X	X	X	X	X	
2	Ia Der	X	X	X	X	X	X	
3	Ia Pếch	X	X	X	X	X	X	
4	Ia Hrung	X	X	X	X	X	X	
5	Xã Ia Chia	X	X	X	X	X	X	
6	Xã Ia Krái	X	X	X	X	X	X	
7	Ia Khai	X	X	X	X	X	X	
8	Xã Ia Tô	X	X	X	X	X	X	
9	Xã Ia Yok	X	X	X	X	X	X	

10	Xã Ia Bă	X	X	X	X	X	X	
11	Ia Grăng	X	X	X	X	X	X	
12	Xã Ia O	X	X	X	X	X	X	
XV	**Thị Xã An Khê**	**5/5**	**5/5**	**5/5**	**5/5**	**5/5**	**5/5**	
1	Xã Song An	X	X	X	X	X	X	
2	Xã Cửu An	X	X	X	X	X	X	
3	Xã Tú An	X	X	X	X	X	X	
4	Xã An Xuân	X	X	X	X	X	X	
5	Xã Thành An	X	X	X	X	X	X	
XVI	**Huyện Đăk Pơ**	**7/7**	**7/7**	**7/7**	**7/7**	**7/7**	**7/7**	
1	Xã Tân An	X	X	X	X	X	X	
2	Xã Phú An	X	X	X	X	X	X	
3	Xã Cư An	X	X	X	X	X	X	
4	Xã Hà Tam	X	X	X	X	X	X	
5	Xã Ya Hội	X	X	X	X	X	X	
6	Xã An Thành	X	X	X	X	X	X	
7	Xã Yang Bắc	X	X	X	X	X	X	
XVII	**Huyện Kon Choro**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	**13/13**	
1	Xã Kon Yang	X	X	X	X	X	X	
2	Xã Yang Trung	X	X	X	X	X	X	
3	Xã Đăk Tơ Pang	X	X	X	X	X	X	
4	Xã Ya Ma	X	X	X	X	X	X	
5	Xa So Ro	X	X	X	X	X	X	
6	Xã Đak Sông	X	X	X	X	X	X	
7	xã Yang Nam	X	X	X	X	X	X	
8	xã Cho Lon	X	X	X	X	X	X	
9	Xã An Trung	X	X	X	X	X	X	
10	Xã Đăk Pơ Pho	X	X	X	X	X	X	
11	Xã Đăk Kơ Ning	X	X	X	X	X	X	
12	Đăk PLing	X	X	X	X	X	X	
13	Xã Chư K Rây	X	X	X	X	X	X	

Ghi chú: **- Xã đạt đánh dấu "X"**

Biểu 02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 7 VỀ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN 6 THÁNG/2017

(Kèm theo Văn bản số: 819 /SCT-KHTCTH ngày 28 tháng 7 năm 2017)

TT	Tên xã	Tiêu chí chợ nông thôn				
		Chợ trong quy hoạch (tên chợ)	Xã không có chợ	Năm 2017		Số chợ đạt chuẩn dự kiến đến hết năm 2017
				Số Chợ đạt chuẩn trong 6 tháng đầu năm 2017	Số chợ đạt chuẩn tính đến 31/6/2017	
I	**Thành phố Pleiku**	**9**	**5**	**0**	**4**	**0**
1	Xã An Phú	Chợ An Phú			x	
2	Xã Diên Phú	Chợ Diên Phú	x			
3	Xã Biển Hồ	Chợ Biển Hồ			x	
4	Xã Trà Đa	Chợ Trà Đa			x	
5	Xã Chư HDrông	Chợ Chư HDrông	x			
6	Xã Ia Kênh	Chợ Ia Kênh	x			
7	Xã Gào	Chợ Xã Gào	x			
8	Xã Chư Á	Chợ Chư Á			x	
9	Xã Tân Sơn	Chợ Tân Sơn	x			
II	**Thị xã Ayun Pa**	**2**	**4**	**0**	**0**	**0**
1	Xã Chư Băh	Xã Chư Băh	x			
2	Xã Ia Rbol		x			
3	Xã Ia Sao	Xã Ia Sao	x			
4	Xã Ia R'tô		x			
III	**Huyện Ia Pa**	**9**	**5**	**0**	**1**	**0**
1	Xã Pờ Tó	Chợ Xã Pờ Tó				
2	Xã Chư Răng	Chợ Xã Chư Răng				
3	Xã Kim Tân	Chợ Kim Tân				
4	Xã Ia Mrơn	Chợ Ia Mrơn			x	
5	Xã Ia Trôk	Chợ Xã Ia Trôk	x			
6	Xã Ia Broăi	Chợ Xã Ia Broăi	x			
7	Xã Ia Tul	Chợ Xã Ia Tul	x			
8	Xã Chư Mố	Chợ Xã Chư Mố	x			
9	Ia KDăm	Chợ Ia KDăm	x			
IV	**Huyện Phú Thiện**	**8**	**6**	**0**	**3**	**0**
1	Xã Chư A Thai	Chợ Chư A Thai	x			
2	Xã Ia Peng	Chợ Thanh Bình			x	
3	Xã Ia Hiao	Chợ Xã Ia Hiao	x			
4	Xã Ia Piar	Chợ Xã Ia Piar	x			
5	Xã Ia Yeng	Chợ Ia Yeng	x			
6	Xã Ayun Hạ	Chợ Ayun hạ			x	

7	Xã Chrôh Pơnan		x			
8	Xã Ia Ake	Chợ Xã Ia Ake	x			
9	Xã Ia Sol	Chợ Xã Ia Sol			x	
V	**Huyện Krông Pa**	**13**	**11**	**0**	**2**	**0**
1	Xã Phú Cần	Chợ Phú Cần	x			
2	Xã Chư Ngọc	Chợ Chư Ngọc	x			
3	Xã Ia Mláh	Chợ Ia Mláh	x			
4	Xã Đất Bằng	Chợ Đất Bằng	x			
5	Xã Chư Gu	Chợ Chư Gu	x			
6	Xã Chư Rcăm	Chợ Chư Rcăm			x	
7	Xã Ia Rsai	Chợ Ia Rsai	x			
8	Xã Ia RSươm	Chợ Ia RSươm			x	
9	Xã Uar	Chợ Uar	x			
10	Xã Chư Drăng	Chợ Chư Drăng	x			
11	Xã Ia Rmok	Chợ Ia Rmok	x			
12	Xã Ia Hdreh	Chợ Ia Hdreh	x			
13	Xã Krông Năng	Chợ Krông Năng	x			
VI	**Huyện K'Bang**	**13**	**10**	**0**	**3**	**0**
1	Xã Kông Pla	Chợ Kông Pla	x			
2	Xã Kông Lơng Khơng	Khơng	x			
3	Xã Đăk HLơ	Chợ Đăk HLơ			x	
4	Xã Tơ Tung	Chợ Tơ Tung	x			
5	Xã Nghĩa An	Chợ Nghĩa An			x	
6	Xã Đông	Chợ Xã Đông	x			
7	Xã Sơ Pai	Chợ Sơ Pai	x			
8	Xã Lơ Ku	Chợ Lơ Ku	x			
9	Xã Kroong	Chợ Kroong	x			
10	Xã Sơn Lang	Chợ Sơn Lang			x	
11	Xã Đăk Smar	Chợ Đăk Smar	x			
12	Xã Đăk Rong	Chợ Đăk Rong	x			
13	Xã Kon Pne	Chợ Kon Pne	x			
VII	**Huyện Chư Sê**	**10**	**9**	**0**	**5**	**0**
1	Xã Ia Glai	Chợ Ia Glai	x			
2	Xã Ia Blang	Chợ Xã Ia Blang			x	
3	Xã Al Bă	Chợ Xã Al Bá			x	
4	Xã Ia HLốp	Chợ Ia HLốp			x	
5	Xã Chư Pơng		x			
6	Xã Bờ Ngoong	Chợ Xã Bờ Ngoong			x	
7	Xã Ia Pal		x			
8	Xã Dun	Xã Dun	x			
9	Xã Ia Tiêm	Chợ Xã Ia Tiêm	x			
10	Xã Kông Htok		x			
11	Xã Bar Măih		x			
12	Xã Ia Ko	Chợ Xã Ia Ko	x			
13	Xã H Bông	Xã H Bông			x	
14	Xã Ayun	Chợ Xã Ayun	x			
VIII	**Huyện Chư Pưh**	**7**	**5**	**0**	**2**	**1**
1	Xã Ia Blứ	Chợ Ia Blứ			x	
2	Xã Phang	Chợ Ia Phang	x			

3	Xã Ia Le	Chợ Xã Ia Le			x	
4	Xã Ia Hrú	Chợ Ia Hrú				x
5	Xã Ia Hla	Chợ xã Ia Hla	x			
6	Xã Chư Don		x			
7	Xã Ia Dreng	Chợ Ia Dreng	x			
8	Xã Ia Rong	chợ Ia Rong	x			
IX	**Huyện Đức Cơ**	**5**	**8**	**0**	**1**	**0**
1	Xã Ia Dom	Chợ Xã Ia Dom			x	
2	Xã Ia Krêl		x			
3	Xã Ia Kriêng		x			
4	Xã Ia Kla		x			
5	Xã Ia Din	Chợ Xã Ia Din	x			
6	Xã Ia Dơk	Chợ Xã Ia Dơk	x			
7	Xã Ia Lang		x			
8	Xã Ia Nan	Chợ Xã Ia Nan	x			
9	Xã Ia Pnôn	Chợ Xã Ia Pnôn	x			
X	**Huyện Chư Păh**	**9**	**10**	**0**	**2**	**0**
1	Xã Ia Nhin	Chợ Ia Nhin			x	
2	Xã Nghĩa Hưng	Chợ Nghĩa Hưng			x	
3	Xã Hòa Phú	Chợ Xã Hòa Phú				
4	Xã Chư Jôr	Chợ liên xã Chư Đăng	x			
5	Xã Chư Đăng Ya	Ya - Chư Jôr	x			
6	Xã Ia Khươl	Chợ Ia Khươl	x			
7	Xã Hà Tây	Chợ Hà Tây	x			
8	Xã Đăk Tơ Ver	Chợ Đăk Tơ Ver	x			
9	Xã Nghĩa Hòa	Chợ Nghĩa Hòa	x			
10	Xã Ia Ka		x			
11	Xã Ia Mơ Nông		x			
12	Xã Ia Kreng		x			
13	Xã Ia Phí	Chợ Xã Ia Phí	x			
XI	**Huyện Chư Prông**	**17**	**14**	**0**	**4**	**0**
1	Xã Ia Kly		x			
2	Xã Ia Tôr	Chợ Ia Tôr	x			
3	Xã Ia Bang		x			
4	Xã Ia Vê	Chợ Ia Vê	x			
5	Xã Ia Pia	Chợ Ia Pia	x			
6	Xã Ia Ga	Chợ Ia Ga	x			
7	Xã Ia Lâu	Chợ Ia Lâu			x	
8	Xã Ia Piơr	Chợ Ia Piơr				
9	Xã Ia Mơr	Chợ Ia Mơr	x			
10	Xã Ia Băng	Chợ Ia Băng	x			
11	Xã Ia Phìn	Chợ Ia Phìn	x			
12	Xã Bàu Cạn	Chợ Bàu Cạn			x	
13	Xã Thăng Hưng	Chợ Thăng Hưng			x	
14	Xã Bình Giáo	Chợ Bình Giáo	x			
15	Xã Ia Drăng	Chợ Ia Drăng			x	
16	Xã Ia Me	Chợ Ia Me	x			
17	Xã Ia Boòng	Chợ Ia Boòng	x			
18	Xã Ia O	Chợ Ia O	x			

19	Xã Ia Púch	Chợ Ia Púch	x			
XII	**Huyện Đak Đoa**	**11**	**13**	**0**	**2**	**0**
1	Xã H'Neng		x			
2	Xã Tân Bình	Chợ Tân Bình	x			
3	Xã K'Dang	Chợ Hà Lòng			x	
4	Xã Hà Bầu		x			
5	Xã Nam Yang	Chợ Nam Yang			x	
6	Xã Đăk KRoong	Chợ Đăk KRoong	x			
7	Xã Đăk Sơ Mei	Chợ Đăk Sơ Mei	x			
8	Xã Hà Đông		x			
9	Xã Hải Yang	Chợ Hải Yang				
10	Xã Glar	Chợ Glar	x			
11	Xã A Dơk	Chợ A Dơk	x			
12	Xã Ia Pết	Chợ Ia Pết	x			
13	Xã Ia Băng	Chợ Ia Băng	x			
14	Xã Hnol		x			
15	Xã Kon Gang	Chợ Kon Gang	x			
16	Xã Trang		x			
XIII	**Huyện Mang Yang**	**9**	**7**	**0**	**1**	**0**
1	Xã Đăk Yă	Chợ Đăk Yă	x			
2	Xã Đăk Djrăng	Chợ xã Đăk Djrăng			x	
3	Xã Lơ Pang		x			
4	Xã Kon Thụp	Chợ xã Kon Thụp				
5	xã Kon Chiêng	Chợ Kon Chiêng	x			
6	Xã Đăk Trôi	Chợ Đăk Trôi	x			
7	Xã Đê Ar		x			
8	Xã Ayun	Chợ xã Ayun				
9	Xã Đak Jơ Ta	Chợ Đak Jơ Ta	x			
10	Xã H'ra	Chợ xã H'ra				
11	Xã Đak Ta Ley	Chợ Đak Ta Ley	x			
XIV	**Huyện Ia Grai**	**5**	**10**	**0**	**0**	**1**
1	Xã Ia Dêr		x			
2	Xã Ia Pếch		x			
3	Xã Ia Sao		x			
4	Xã Ia Yok	chợ Xã Ia Yok	x			x
5	Xã Ia Bă	Chợ Ia Bă	x			
6	Xã Ia Hrung		x			
7	Xã Ia Găng		x			
8	Xã Ia Tô	Chợ Xã Ia Tô	x			
9	Xã Ia Krăi	Chợ Ia Krăi				
10	Xã Ia Khai		x			
11	Xã Ia O	Chợ Ia O				
12	Xã Ia Chiă		x			
XV	**Thị Xã An Khê**	**5**	**0**	**1**	**4**	**0**
1	Xã Cửu An	Chợ Cửu An			x	
2	Xã Thành An	Chợ Thành An			x	
3	Xã Xuân An	Chợ Trung Tâm Xã		x	x	
4	Xã Song An	Chợ Song An			x	
5	Xã Tú An	Chợ Tú Thủy 2- Tú An				

XVI	**Huyện Đăk Pơ**	**7**	**5**	**0**	**2**	**0**
1	Xã Hà Tam	Chợ Hà Tam			x	
2	Xã An Thành	Chợ An Thành	x			
3	Xã Yang Bắc	Chợ Yang Bắc	x			
4	Xã Tân An	Chợ Đồng Chè			x	
5	Xã Cư An	Chợ Chuyên Doanh rau	x			
6	Xã Phú An	Chợ Phú An	x			
7	Xã Ya Hội	Chợ Ia Hội	x			
XVII	**Huyện Kong Chro**	**4**	**12**	**0**	**0**	**0**
1	Xã Kông Yang	Chợ Kông Yang	x			
2	Xã Ya Ma		x			
3	Xã Đăk T Pang		x			
4	Xã Đăk Sông		x			
5	Xã Đăk Pling		x			
6	Xã Sơ Ró	Chợ Xã Sơ Ró	x			
7	Xã Đăk Kơ Ning		x			
8	Xã Yang Nam		x			
9	Chơ Glong	Chợ Chơ Glong	x			
10	Xã Đăk Pơ Pho		x			
11	Xã An Trung	Chợ An Trung				
12	Xã Yang Trung		x			
13	Xã Chư Krey		x			
	Tổng cộng	**143**	**134**	**1**	**36**	**2**

* *Ghi chú* : Các xã không có nhu cầu xây dựng chợ (không quy hoạch chợ nông thôn) thì xét đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới giai đoạn 2016-2020